

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ THƯƠNG MẠI MINH KHANG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ THƯƠNG MẠI MINH KHANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH KHANG ENGINEERING AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MINH KHANG ENGINEERING., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109928734

3. Ngày thành lập: 10/03/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 30, ngõ 97 phố Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0247 037 3663

Fax:

Email: minhkhang@minhkhang.net.vn Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322(Chính)
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý thương mại; Môi giới thương mại (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định của Luật đấu giá tài sản)	4610
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
8.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4661
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm, các kim loại màu dạng nguyên sinh và bán thành phẩm	4662
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim	4663

11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Bán buôn cao su, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; bán buôn hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp và Nhà nước cấm)	4669
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
13.	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo Kinh doanh dịch vụ quảng cáo; Phát hành quảng cáo; Tiếp nhận quảng cáo Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình)	7310
14.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; Hoạt động trang trí nội thất.	7410
15.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; Tư vấn chuyên gia công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	7490
16.	Bán buôn tổng hợp (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định của Luật đấu giá tài sản)	4690
17.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
18.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
19.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
20.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
21.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
22.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
23.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
24.	In ấn	1811
25.	Dịch vụ liên quan đến in	1812

26.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm chống mọc mầm, máy điều chỉnh tốc độ phát triển của cây ; - Sản xuất chất tẩy uế (cho nông nghiệp và cho các mục đích sử dụng khác) ;	2021
27.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
28.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất giêlatin và dẫn xuất giêlatin, keo hồ và các chất đã được pha chế, bao gồm keo cao su ; - Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên ; - Sản xuất chất giống nhựa ; - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất ; - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm ; - Sản xuất phim, giấy ảnh, các vật liệu nhạy với ánh sáng khác ; - Sản xuất hoá chất dùng để làm ảnh ; - Sản xuất các sản phẩm hoá chất khác như: + Pep ton, dẫn xuất của pep ton, các chất proteinkhác và dẫn xuất của chúng, + Dầu mỡ, + Dầu hoặc mỡ được pha chế bằng quá trình hoá học, + Nguyên liệu sử dụng trong hoàn thiện sản phẩm dệt và da, + Bột và bột nhão sử dụng trong hàn, + Sản xuất chất để tẩy kim loại, + Sản xuất chất phụ gia cho xi măng, + Sản xuất các bon hoạt tính, chất phụ gia cho dầu nhờn, chất xúc tác cho cao su tổng hợp, chất xúc tác và sản phẩm hoá chất khác sử dụng trong công nghiệp, + Sản xuất chất chống cháy, chống đóng băng, + Sản xuất hợp chất dùng để thử phản ứng trong phòng thí nghiệm và để chẩn đoán khác ; - Sản xuất mực vẽ và in ; - Sản xuất diêm ; - Sản xuất hương các loại...	2029
29.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
30.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
31.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
32.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
33.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
34.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
35.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
36.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
37.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định của Luật đấu giá tài sản)	4774
38.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định của Luật đấu giá tài sản)	4791

39.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định của Luật đấu giá tài sản)	4799
40.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi	4931
41.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô;	4932
42.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
43.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm hoạt động kinh doanh bất động sản theo Luật Kinh doanh bất động sản)	5210
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	5229
45.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
46.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
47.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
48.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
49.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
50.	Đại lý du lịch	7911
51.	Điều hành tua du lịch	7912
52.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
53.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
54.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
55.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
56.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
57.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
58.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
59.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
60.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
61.	Thu gom rác thải không độc hại	3811

62.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
63.	Tái chế phế liệu (trừ loại Nhà nước cấm)	3830
64.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: - Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học; - Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp - Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học; - Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng bờ biển; - Hoạt động quản lý chất thải rắn (khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép)	3900
65.	Xây dựng nhà để ở	4101
66.	Xây dựng nhà không để ở	4102
67.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
68.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
69.	Xây dựng công trình điện	4221
70.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
71.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
72.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
73.	Xây dựng công trình thủy	4291
74.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
75.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
76.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
77.	Phá dỡ (Không bao gồm hoạt động nổ mìn và rà phá bom mìn)	4311
78.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm hoạt động nổ mìn và rà phá bom mìn)	4312
79.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
80.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
81.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
82.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
83.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
84.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

85.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
86.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ HỮU TIỆP	A18 tập thể xí nghiệp gỗ Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	810.000	8.100.000.000	90,000	001081008858	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	810.000	8.100.000.000	90,000		

2	HOÀNG THỊ MAI NINH	Số 18, ngõ 115, đường Thanh Bình, Tổ 10, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	5,000	0221830054 21
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	45.000	450.000.000	5,000	
3	VŨ VĂN DŨNG	Số nhà 35 phố Năm Dân , Thị Trần Phát Diệm, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	5,000	164233928
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	45.000	450.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	--	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **ĐỖ HỮU TIỆP**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *25/10/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001081008858*

Ngày cấp: *02/05/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính về Trật
Tự Xã Hội*

Địa chỉ thường trú: *A18 TT Xí nghiệp gỗ Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 18, ngõ 114, đường Thanh Bình, TDP 10, Phường Mộ Lao, Quận
Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*